

**TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CỦA TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC  
THEO NGUỒN VỐN NĂM 2025**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-KTHT&ĐT ngày /4/2026 của phòng KTHT&ĐT phường Đức Xuân)*

*Đơn vị: Nghìn đồng*

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm				Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			Nguồn năm trước chuyển sang (nếu có)	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm (nếu có)	Giảm trừ trong năm (nếu có)			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
A	B	1=2+3-4+5	2	3	4	5	6	7=1-6	8	9
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>162.354.524,3</b>	<b>477.201,7</b>	<b>118.351.000,0</b>	<b>45.111.522,5</b>	<b>-1.585.199,8</b>	<b>137.912.348,9</b>	<b>10.029.455,7</b>	<b>4.423.848,8</b>	<b>5.605.606,9</b>
<b>I</b>	<b>Khối QLNN &amp; Sự nghiệp</b>	<b>162.061.914,3</b>	<b>477.201,7</b>	<b>118.121.000,0</b>	<b>45.048.912,5</b>	<b>-1.585.199,8</b>	<b>137.683.351,6</b>	<b>9.965.843,0</b>	<b>4.423.848,8</b>	<b>5.541.994,2</b>
1	Văn phòng HĐND và UBND	8.847.741,6		6.113.800,0	2.738.941,6	-5.000,0	6.567.114,2	2.280.627,4	1.770.000,0	510.627,4
2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	15.503.598,1	291.800,0	14.231.961,3	1.899.836,8	-920.000,0	14.372.622,3	1.130.975,8		1.130.975,8
3	Phòng Văn hóa - Xã hội	20.326.615,0	120.000,0	5.140.500,0	15.376.352,1	-310.237,2	19.412.769,2	913.845,8	370.026,9	543.818,9
4	Văn phòng Đảng ủy	7.080.259,6		5.008.700,0	2.071.559,6		7.047.041,8	33.217,8		33.217,8
5	Ủy ban MTTQVN phường	6.261.161,2		2.862.500,0	3.560.858,2	-162.197,0	6.174.135,2	87.026,0		87.026,0
6	Trung tâm phục vụ hành chính công	620.201,9		387.600,0	232.601,9		620.201,9	-		-
7	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	11.049.544,2		1.051.900,0	10.185.409,8	-187.765,6	8.184.592,9	2.864.951,2	14.670,9	2.850.280,3
8	Trường Mầm non Huyện Tụng	5.464.422,5	12.386,9	5.177.612,0	274.423,6		5.442.330,5	22.092,0		22.092,0
9	Trường MN Nguyễn Thị Minh Khai	6.771.238,2	14.025,6	6.282.114,0	475.098,6		6.693.944,1	77.294,0	27.900,0	49.394,0
10	Trường Mầm non Đức Xuân	10.008.696,0	24.724,8	9.423.402,0	560.569,2		9.917.278,3	91.417,6	27.900,0	63.517,6
11	Trường Tiểu học Huyện Tụng	7.632.955,1		6.816.701,0	816.254,1		7.301.898,2	331.056,9	271.927,6	59.129,4
12	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	10.512.995,1		8.958.247,0	1.554.748,1		9.909.896,0	603.099,1	585.345,9	17.753,2
13	Trường Tiểu học Đức Xuân	15.573.664,8		13.839.588,0	1.734.076,8		15.017.929,4	555.735,4	506.756,6	48.978,8
14	Trường THCS Huyện Tụng	10.991.692,8	11.079,4	9.048.430,0	1.932.183,4		10.340.829,8	650.863,0	570.400,0	80.463,0

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm				Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			Nguồn năm trước chuyển sang (nếu có)	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm (nếu có)	Giảm trừ trong năm (nếu có)			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
A	B	1=2+3-4+5	2	3	4	5	6	7=1-6	8	9
15	Trường THCS Đức Xuân	11.004.408,6	3.185,0	9.365.225,0	1.635.998,6		10.680.767,7	323.641,0	278.921,0	44.720,0
16	UBND phường Đức Xuân	14.412.719,7		14.412.719,7					-	-
<b>II</b>	<b>Các đơn vị khác</b>	<b>292.610,0</b>		<b>230.000,0</b>	<b>62.610,0</b>		<b>228.997,3</b>	<b>63.612,7</b>	<b>0,0</b>	<b>63.612,7</b>
1	Công an phường Đức Xuân	257.610,0		230.000,0	27.610,0		193.997,3	63.612,7		63.612,7
2	Kho bạc nhà nước khu vực VII - Phòng giao dịch số 4	35.000,0			35.000,0		35.000,0			0,0



